

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8 - 2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1971.

Trú tại: Số 2786, Quốc lộ 1A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1983.

Trú tại: Số 2786, Quốc lộ 1A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L, chị T mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Đỗ Văn L trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2003. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng chung sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi nhau.

Vợ chồng đã có thời gian không sống chung nhưng sau đó vì các con nên về chung sống lại, tuy nhiên khi về sống chung thì khoảng một năm nay mạnh ai người nấy sống không ai quan tâm đến ai, không còn sự thương yêu, chăm sóc nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ vợ chồng với nhau, độc lập về kinh tế. Tình cảm dành cho chị T không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh L đồng ý giao hai con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 4.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung: Anh L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L khai không có.

*** Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày ý kiến:**

Quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như anh L trình bày đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi nhau mặc dù đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng không còn sự yêu thương, chăm sóc cho nhau mà mạnh ai người nấy sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của anh L thì chị T không đồng ý vì chị còn thương anh L, chị không muốn các con bị ảnh hưởng đến tâm lý để tập trung vào học hành, hơn nữa chị là người công giáo nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu phải ly hôn chị T đồng ý nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/3/2007. Anh L cấp dưỡng một tháng 4.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu thì chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị T khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Đỗ Văn L. Cho anh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Nguyễn

Hoàng N, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/3/2007. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 4.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc anh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Đỗ Văn L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của anh với chị Nguyễn Thị Mỹ T và giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ T là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của anh L thì thấy: Anh L và chị T đều thống nhất: Trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh Nền mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau nên vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh, chị không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống hòa thuận, anh chị đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay anh, chị vẫn sống chung một nhà nhưng sự yêu thương, quan tâm đến cuộc sống của nhau không còn, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Tình cảm của anh L giành cho chị T không còn. Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn của anh L và chị T theo kết quả cung cấp thông tin của UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào tháng 4/2019 thể hiện: Anh L, chị T đã sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng. Điều này phù hợp với quá trình làm việc biên bản lấy lời khai người làm chứng. Bên cạnh đó, qua ý kiến của các đương sự, tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thể hiện mâu thuẫn của anh L và chị T là có thật đã xảy ra trong thời gian dài.

Đối với ý kiến của chị T về quan hệ hôn nhân chị không đồng ý ly hôn vì chị cho rằng mình còn thương anh L và các con, hơn nữa là người theo đạo, nhưng tại phiên tòa chị lại thừa nhận vợ chồng có quá Nền mâu thuẫn về tình

cảm cũng như về kinh tế, chị nói còn thương anh L nhưng chị cũng không đưa ra bất cứ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của anh L và chị T đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của anh L về việc yêu cầu ly hôn với chị T.

2.3. Về con chung: Anh L và chị T đều đồng ý giao hai con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi con là 4.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Do các đương sự thỏa thuận thống nhất về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc anh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn L. Cho anh Đỗ Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/7/2003 và Đỗ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 05/3/2007.

Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị T 4.000.000 đồng (Bốn triệu)/01 tháng/01 cháu, để nuôi 02 con chung là Đỗ Nguyễn Hoàng N và Đỗ Nguyễn Tấn T, kể từ 07/9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh L.

Kể từ chị Nguyễn Thị Mỹ T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu anh Đỗ Văn L chậm trả tiền thì anh L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 001401 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Anh L, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Quyền số 01/2003;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

